

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 292/2017/HSPT

Ngày: 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các thẩm phán: Ông Tô Phú Đông

Ông Ngô Tấn Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông
Đỗ Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 261/2017/HSPT ngày 20 tháng 9 năm 2017
đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số:
30/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN THỊ THANH T

- Tên gọi khác: T1;
- Sinh năm 1997;
- HKTT: A, khóm T2, phường T3, TP. S, tỉnh Đồng Tháp;
- Nghề nghiệp: Không;
- Trình độ học vấn: 8/12;
- Con ông: Vô Danh (Không biết họ và tên) và con bà Nguyễn Thị T4,
sinh năm 1968;
- Chồng, con: Chưa;

- Anh, chị, em: Không;
- Tiền sự, tiền án: Không;
- Quyết định truy nã: Ngày 15/5/2017;
- Đầu thú và tạm giữ: Ngày 08/6/2017;
- Tạm giam: Ngày 11/6/2017;
- Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thanh T và chị Huỳnh Hồng N là bạn bè với nhau. Khoảng 14 giờ ngày 05/02/2017, T và chị N đi chơi chung bằng xe mô tô hiệu Nozza, biển số 66S1-180.15 của chị N về nhà chị N tọa lạc số B, khóm T2, phường T3, thành phố S. Sau đó T hỏi chị N mượn xe mô tô biển số 66S1-180.15 đi về nhà T lấy tiền và quần áo để đi Vũng Tàu làm thuê thì được chị N đồng ý.

Sau khi về đến nhà, T lấy quần áo rồi điều khiển xe mô tô trở lại nhà chị N, T đậu xe ở bên hông nhà rồi đem chìa khóa xe để trên bàn trong phòng trả cho chị N. Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 15 phút sau T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị N đem bán. Để chị N tin tưởng và giao xe mô tô cho T nên T đã nói dối với chị N là cho T mượn xe mô tô để T quay về nhà lần nữa xem người nhà của T ở thành phố H đã gửi tiền xuống hay chưa thì chị N đồng ý, chị N kêu T lấy túi xách nhỏ trong cốp xe đưa cho N, T lấy chìa khóa mở cốp xe mô tô, tìm trong túi xách và thấy giấy đăng ký xe mô tô biển số 66S1-180.15, T lấy giấy đăng ký xe để lại trong cốp xe, còn túi xách thì T đưa cho chị N.

Sau đó T lấy xe mô tô chạy về nhà T lấy sổ hộ khẩu rồi đến cửa hàng mua bán xe “N1” tọa lạc số C đường H1, Khóm D, Phường E, thành phố S gặp anh Huỳnh Ngọc S là chủ cửa hàng xe, T nói chủ xe là chị của T cần bán xe và thỏa thuận bán xe mô tô biển số 66S1-180.15 với giá 10.000.000 đồng, anh S trả cho T số tiền 9.800.000 đồng và hẹn khi nào chủ xe ký giấy tờ mua

bán xe sẽ trả tiếp số tiền 200.000 đồng. Sau đó T bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền bán xe.

Đối với chị N khi thấy T không về trả lại xe và điện thoại liên lạc không được nên đến ngày 08/02/2017 chị N đến Công an phường T3, thành phố S trình báo. Qua xác minh, cơ quan điều tra Công an thành phố S đã thu giữ được xe mô tô biển số 66S1-180.15 mà T đã bán cho anh S. Đến ngày 08/6/2017, T ra đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/HĐ.ĐGTS ngày 16/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S kết luận: 01 xe mô tô hiệu Nozza, biển số 66S1-180.15 có trị giá là 18.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra Công an thành phố S xác định xe mô tô biển số 66S1-180.15 thuộc sở hữu của chị Huỳnh Thị Kim T5, chị N mượn xe sử dụng nên cơ quan điều tra đã trao trả xe mô tô cho chị T5 nhận lại xong, chị T5 không có yêu cầu gì. Đối với anh Huỳnh Ngọc S yêu cầu T hoàn trả số tiền anh S đã mua xe là 9.800.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2017/HSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 139, Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T mức án 01 năm 08 tháng tù (*Một năm tám tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ,

toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và Huỳnh Hồng N (người bị hại) sinh sống cùng khóm, là bạn bè thân với nhau. Chị N được gia đình mua xe mô tô để làm phương tiện sử dụng đi lại. Vào chiều ngày 05/02/2017, chị N sử dụng xe mô tô hiệu Nozza, biển số 66S1-180.15 để chở bị cáo đi chơi. Nhưng sau khi đi chơi về bị cáo hỏi chị N mượn xe mô tô để đi về nhà lấy tiền và quần áo để đi Vũng Tàu làm thuê. Chị N tin tưởng cho bị cáo mượn mà không biết được bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo còn đặt ra sự việc không có thật và nói với chị N tin mượn xe mô tô chạy về nhà xem người nhà của bị cáo ở TP H đã gửi tiền xuống hay chưa. Sau khi lấy được chìa khóa xe từ chị N bị cáo mở cốp xe lấy giấy đăng ký xe mô tô, lấy sổ hộ khẩu gia đình rồi chạy đến tiệm cầm đồ bán xe mô tô cho anh Huỳnh Ngọc S với giá 10.000.000đ. Anh S trả cho T số tiền 9.800.000 đồng và hẹn khi nào chủ xe ký giấy tờ mua bán xe sẽ trả tiếp số tiền 200.000 đồng.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là phụ nữ mà thực hiện hành vi rất táo bạo, nguy hiểm cho xã hội và chiếm đoạt tài sản của bạn thân chơi chung. Trong khi xe mô tô của chị N theo định giá là 18.000.000đ, bị cáo bán chỉ có hơn nửa số tiền. Sau khi có tiền bị cáo đem theo tiêu xài theo sở thích cá nhân khoản 02 tháng hết tiền thì mới trở về địa phương. Tuy xe mô tô bị cáo lừa đảo của chị N đã thu hồi lại được, nhưng số tiền mà bị cáo nhận từ anh S hoàn toàn không có khả năng khắc phục lại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân và gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, xét thấy cần có thời gian cải tạo giáo dục bị cáo nghiêm khắc, nhằm để bị cáo từ bỏ con đường phạm tội, trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức hình phạt mà án sơ thẩm xử bị cáo là không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng bị cáo không xuất trình được tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt, là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139, điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2017.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
(02 bản, giao bị cáo 01 bản)
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (T. Em).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Phú Đông – Sỹ Danh Đạt

Nguyễn Thị Mai

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Phú Đông – Nguyễn Thị Mai

Nguyễn Thành Thơ